

Hướng dẫn soạn bài Nghĩa của từ SGK lớp 6 tập 1 ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và nhanh nhất dành cho các em học sinh lớp 6 tham khảo.

## 1. Kiến thức cơ bản

**a. Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị.**

**b. Trong các bài đọc văn bản, ở phần tiếp sau văn bản được trích hoặc nguyên văn, thường có phần chú thích. Chủ yếu các chú thích là nhằm giảng nghĩa của các từ lạ, từ khó. Ví dụ:**

- tập quán: thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc, v.v...) được hình thành từ lâu trong đời sống, được mọi người làm theo.
- lẫm liệt: hùng dũng, oai nghiêm.
- nao núng: lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

**c. Cấu tạo của mỗi chú thích trên gồm mấy bộ phận?**

Mỗi chú thích gồm hai bộ phận: phần từ cần chú thích và phần nghĩa của từ được chú thích (sau dấu hai chấm).

**d. Trong ba trường hợp chú thích trên, nghĩa của từ được giải thích theo hai kiểu:**

- Giải thích bằng khái niệm mà từ biểu thị (tập quán);
- Giải thích bằng các từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ được giải thích (lẫm liệt, nao núng).

Đây cũng là hai cách thông thường để nắm được nghĩa của từ.

**e. Từ là đơn vị có tính hai mặt trong ngôn ngữ: mặt nội dung và mặt hình thức. Mặt nội dung chính là nghĩa của từ.**

## 2. Rèn luyện kĩ năng

**2.1. Đọc các chú thích dưới đây và cho biết cách giải thích nghĩa của từng trường hợp.**

- Ghẻ lạnh: thờ ơ, nhạt nhẽo, xa lánh đối với người lẽ ra phải gần gũi, thân thiết.
- Quần thần: các quan trong triều (xét trong quan hệ với vua).

- Sứ giả: người vâng mệnh trên (ở đây là vua) đi làm một việc gì ở các địa phương trong nước hoặc nước ngoài (sứ: người được vua hay nhà nước phái đi để đại diện; giả: kẻ, người).
- Hoảng hốt: chỉ tình trạng sợ sệt, vội vã, cuống quýt.
- Tre đằng ngà: giống tre có lớp cật ngoài trơn, bóng, màu vàng.

**Gợi ý:** Các từ quần thần, sứ giả, tre đằng ngà được giải thích bằng khái niệm mà từ biểu thị; các từ ghê lạnh, hoảng hốt được giải thích bằng cách đưa ra những từ đồng nghĩa, trái nghĩa.

## **2.2. Hãy điền các từ học hỏi, học tập, học hành, học lỏm vào chỗ trống trong những câu dưới đây sao cho phù hợp:**

- ...: học và luyện tập để có hiểu biết, có kỹ năng.
- ...: nghe hoặc thấy người ta làm rồi làm theo, chứ không được ai trực tiếp dạy bảo.
- ...: tìm tòi, hỏi han để học tập.
- ...: học văn hoá có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói một cách khái quát).

**Gợi ý:** Theo thứ tự các câu cần điền các từ: học hành, học lỏm, học hỏi, học tập.

## **2.3. Điền các từ trung gian, trung niên, trung bình vào chỗ trống trong các chú thích sau sao cho phù hợp.**

- .....: ở vào khoảng giữa trong bậc thang đánh giá, không khá cũng không kém, không cao cũng không thấp.
- .....: ở vị trí chuyển tiếp hoặc nối liền giữa hai bộ phận, hai giai đoạn, hai sự vật,...
- .....: đã quá tuổi thanh niên nhưng chưa đến tuổi già.

(trung bình, trung gian, trung niên)

## **2.4. Giải thích các từ sau theo những cách đã biết:**

- giéng
- rung rinh
- hèn nhất

**Gợi ý:** Giếng là hồ đào thẳng đứng, sâu và lòng đất, thường để lấy nước; rung rinh là rung động nhẹ và liên tiếp; hèn nhát là thiếu can đảm đến mức đáng khinh.

**2.5\*. Nhận xét về cách hiểu nghĩa của từ mất của nhân vật Nụ trong truyện sau:**

### **Thế thì không mất**

*Cô Chiêu đi đò với cái Nụ. Cái Nụ ăn trầu, lỡ tay đánh rơi ống vôi bạc của cô Chiêu xuống sông. Để cô Chiêu khỏi mắng mình, nó rón rén hỏi:*

*- Thưa cô, cái gì mà mình biết nó ở đâu rồi thì có thể gọi là mất được không, cô nhỉ?*

*Cô Chiêu cười bảo:*

*- Cái con bé này hỏi đến lắm cảm. Đã biết là ở đâu rồi thì sao gọi là mất được nữa!*

*Cái Nụ nhanh nhẩu tiếp luôn:*

*- Thế thì cái ống vôi của cô không mất rồi. Con biết nó nằm ở dưới đáy sông đằng kia. Con vừa đánh rơi xuống đấy.*

(Truyện tiểu lâm Việt Nam)

**Gợi ý:** Hãy so sánh và tự rút ra nhận xét:

- mất hiểu theo ý của nhân vật Nụ là: không biết ở đâu (vì không mất tức là "biết nó ở đâu rồi").
- mất: không còn được sở hữu, không có, không thuộc về mình nữa.